

20	- Mã nhận dạng mạng số liệu:	100.000
	- Mã nhận dạng nhà khai thác kỹ thuật viễn thông:	
	+ Mã điểm báo hiệu quốc tế	20.000
	+ Mã điểm báo hiệu quốc tế cho mỗi bắt đầu của nhóm 10 mã	200
	+ Mã nhóm người sử dụng kín (Closed user Group) cho mỗi bắt đầu của nhóm 10 mã	150
	+ Mã thông tin di động của nhà khai thác viễn thông	3.000
	+ Mã màu mạng cho nhà khai thác viễn thông	1.500
	- Đối tượng sử dụng số không đổi toàn quốc phải trả một lần khoản đăng ký như sau:	
	+ Cấp từ 1 đến 9 số	250
	+ Cấp từ 10 đến 1.000 số	750
	+ Cấp từ lớn hơn 1.000 số	2.500
20	<b>Loại lệ phí đặc biệt gắn với chủ quyền quốc gia (Giấy phép cấp một lần có thời hạn ghi trên giấy phép):</b>	Mức thu (USD)
	- Lệ phí cấp phép tàu biển, máy bay nước ngoài vào vùng lãnh hải và đặc quyền kinh tế biển của Việt Nam đối với các hoạt động khảo sát, thiết kế, lắp đặt các công trình thông tin bưu điện	600.000
	- Lệ phí cấp phép tàu biển, máy bay nước ngoài vào vùng lãnh hải và đặc quyền kinh tế biển của Việt Nam đối với các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thông tin bưu điện:	50.000

**Ghi chú:**

- Mức thu từ mục 1 đến mục 18 áp dụng cho giấy phép có thời hạn 5 năm. Thời hạn giấy phép trên 5 năm đến 10 năm thu bằng 1,5 lần; thời hạn giấy phép trên 10 năm đến 20 năm thu bằng 2 lần mức thu trên.

- Không thu phí, lệ phí đối với các số dịch vụ đặc biệt và số dịch vụ hỗ trợ khách hàng bắt buộc: 113, 114, 115, 116, 117, 118..../.

*ngân sách nhà nước; Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng;*

*Sau khi thống nhất với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính ban hành chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng như sau:*

**I. ĐỐI TƯỢNG THU VÀ MỨC THU**

**THÔNG TƯ số 03/2001/TT-BTC ngày 11/1/2001 hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng.**

*Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc*

**1. Đối tượng thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng** công trình xây dựng, bao gồm xây dựng mới, cải tạo, mở rộng, sửa chữa lớn, trùng tu, tôn tạo thuộc diện phải được cấp giấy phép xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng; trừ các công trình được miễn lệ phí cấp giấy phép xây dựng sau đây:



a) Công trình do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và các công trình trực tiếp bảo vệ an ninh, quốc phòng.

b) Công trình thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), công trình xây dựng trong khu công nghiệp tập trung và công trình thuộc dự án BOT.

c) Công trình thuộc dự án phát triển kết cấu hạ tầng, dự án phát triển đô thị mới, các dự án thành phần trong khu đô thị mới đã có thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán được duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

d) Công trình thuộc dự án đầu tư nhóm B, C có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán đã được phê duyệt sau khi có văn bản thẩm định của cơ quan chức năng quản lý xây dựng của cấp quyết định đầu tư hoặc Sở Xây dựng hoặc sở có xây dựng chuyên ngành.

g) Công trình nhà ở của dân thuộc đối tượng được miễn cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 3b Điều 39 Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

**2. Đối tượng nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng** là các chủ đầu tư các công trình thuộc đối tượng phải thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng quy định tại điểm 1 mục này.

**3. Mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng** được quy định như sau:

a) Mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng đối với:

- Nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 50.000 (năm mươi nghìn) đồng/giấy phép;

- Công trình khác: 100.000 (một trăm nghìn) đồng/giấy phép.

b) Mức thu gia hạn giấy phép xây dựng: 10.000 (mười nghìn) đồng.

## II. TỔ CHỨC THU, NỘP VÀ QUẢN LÝ

**1. Cơ quan cấp giấy phép xây dựng** quy định tại Điều 41 Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ nêu trên có nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Thông tư này (dưới đây gọi chung là cơ quan thu).

**2. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng** thu bằng tiền Việt Nam. Hàng ngày hoặc chậm nhất là 5 ngày một lần, cơ quan thu phải nộp số tiền lệ phí đã thu được vào tài khoản tạm giữ tiền thu lệ phí của cơ quan thu mở tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Hàng tháng chậm nhất là ngày 10, cơ quan thu phải kê khai, nộp 90% (chín mươi phần trăm) tổng số tiền lệ phí thu được của tháng trước vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản tương ứng, mục 046 Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

**3. Cơ quan thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng** có trách nhiệm thu, nộp và quản lý sử dụng tiền lệ phí cấp giấy phép xây dựng theo đúng Thông tư số 54/1999/TT-BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan thu được tạm trích 10% (mười phần trăm) tổng số tiền lệ phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi phí cho việc cấp giấy phép và thu lệ phí như sau:

- Chi phí in (mua) giấy phép.

- Chi phí tiền công và phụ cấp theo tiền công quy định.

- Chi phí vật tư văn phòng.

- Chi phí sửa chữa tài sản máy móc, công cụ phục vụ công tác thu.

- Trích quỹ khen thưởng cho cán bộ, công nhân viên thực hiện thu nộp lệ phí, bình quân một người một năm không quá ba tháng lương thực hiện.

Tổng số tiền được trích sau khi trừ số thực chi theo đúng nội dung quy định trên đây, cuối năm nếu chưa sử dụng hết thì phải nộp hết số còn lại vào ngân sách nhà nước.

4. Cơ quan thuế địa phương nơi cơ quan thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng đóng trụ sở có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư này và Thông tư số 54/1999/TT-BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực

hiện Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

### III. HIỆU LỰC THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký; bãi bỏ các quy định về lệ phí cấp giấy phép xây dựng trái với Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan và các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thủ trưởng*

VŨ VĂN NINH